

6 Colour the phrases as required.

shū shu 叔叔	bái mǎ 白马	yé ye 爷爷	xiàng pí 橡皮	chèn shān 衬衫
hēi gǒu 黑狗	hàn shān 汗衫	dà xiàng 大象	qiān bǐ 铅笔	gē ge 哥哥
mā ma 妈妈	chǐ zi 尺子	gū gu 姑姑	bà ba 爸爸	huā māo 花猫
yǎn jing 眼睛	mèi mei 妹妹	là bǐ 蜡笔	cháng kù 长裤	jiě jie 姐姐
nǎi nai 奶奶	qún zi 裙子	bí zi 鼻子	dì di 弟弟	zuǐ ba 嘴巴

1) Family members:

黄色

2) Animals: 绿色

3) Stationery: 紫色

4) Clothing: 蓝色

5) Parts of the body:

红色

7 Draw the structure of each character.

1) 码 (mǎ) →

--	--

2) 住 (zhù) →

--

3) 爷 (yé) →

--

4) 爱 (ài) →

--

5) 哪 (nǎ) →

--

6) 您 (nín) →

--

8 Fill in the missing numbers.

一			四					九
---	--	--	---	--	--	--	--	---